

BÀI 25: PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN Ở BẮC TRUNG BỘ
(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Bắc Trung Bộ.
- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ.
- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ.
- Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày thế mạnh và hạn chế của Bắc Trung Bộ.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:
 - + Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi trao đổi với bạn và GV.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm kiếm các lập luận minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề cho phù hợp.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua xác định và đánh giá được các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của Bắc Trung Bộ; phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng; trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Tôn trọng các giá trị nhân văn khác nhau ở các vùng.
- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Bản đồ tự nhiên, kinh tế vùng Bắc Trung Bộ.
- Biểu đồ, bảng số liệu về tình hình phát triển kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ.
- Tranh ảnh về tự nhiên, dân cư, các ngành kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ.
- Phiếu học tập.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS (về vùng Bắc Trung Bộ) và chủ đề bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích trí tò mò của HS.

b) Nội dung: GV yêu cầu: *Quan sát tranh ảnh cho biết: Các tranh ảnh trên nói về những thế mạnh, hạn chế gì? Đó là thế mạnh và hạn chế của vùng vùng ở nước ta?*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh (Thế mạnh: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; hạn chế: bão; Vùng: Bắc Trung Bộ).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp trực quan.

– Bước 1: GV yêu cầu: *Quan sát tranh ảnh cho biết: Các tranh ảnh trên nói về những thế mạnh, hạn*

ché gì? Đó là thế mạnh và hạn chế của vùng vùng ở nước ta?

- Bước 2: HS vận dụng hiểu biết thực tế của mình, tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV chuẩn kiến thức, rồi dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1: Tìm hiểu khái quát về Bắc Trung Bộ

a) **Mục tiêu:** Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

b) **Nội dung:** HS đọc mục I. sách giáo khoa kết hợp với bản đồ, hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP	
I. Khái quát	
1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	
- Các tỉnh:	
- Diện tích:	
- Tiếp giáp:	
- Ý nghĩa:	
2. Dân số	
- Số dân:	
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên:	
- Mật độ dân số:	
- Tỷ lệ dân thành thị:	
- Dân tộc:	

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

PHIẾU HỌC TẬP	
I. Khái quát	
1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	
- Các tỉnh: bao gồm 6 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.	
- Diện tích: Lãnh thổ của vùng kéo dài theo chiều bắc nam với diện tích 51,2 nghìn km ² .	
- Tiếp giáp: giáp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Nam Trung Bộ (thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung) và nước láng giềng Lào. Phía đông của Bắc Trung Bộ có vùng biển rộng lớn, với các đảo.	
- Ý nghĩa: Thuận lợi trong giao lưu, phát triển kinh tế. Các đảo có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh.	
2. Dân số	
- Dân số: hơn 11 triệu người (năm 2021).	
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: tương đương mức trung bình cả nước (0,93%).	
- Mật độ dân số: 218 người/km ² (năm 2021). Dân cư chủ yếu tập trung đông ở khu vực đồng bằng và ven biển.	
- Tỷ lệ dân thành thị: khoảng 25,4% (năm 2021).	
- Dân tộc: Bắc Trung Bộ có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Thái, Mường, HMông,...	

d) **Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp và trực quan.

- Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát bản đồ, hoàn thành phiếu học tập.
- Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập.
- Bước 3: Một số HS trình bày, các HS khác bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

2.2: Tìm hiểu về các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

a) **Mục tiêu:**

- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp

và thủy sản của Bắc Trung Bộ.

- Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của Bắc Trung Bộ.

b) Nội dung: HS đọc mục II. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

II. Thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

1. Thế mạnh

a/ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

- Địa hình - đất:
- Khí hậu:
- Nguồn nước:
- Rừng:
- Biên, đảo:

b/ Điều kiện kinh tế - xã hội

- Lực lượng lao động:
- Cơ sở hạ tầng:
- Tiến bộ khoa học - công nghệ, vốn:

2. Hạn chế

- Tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai:
- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật: s

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

PHIẾU HỌC TẬP

II. Thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

1. Thế mạnh

a/ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

- Địa hình - đất:

+ Lãnh thổ hẹp ngang, chủ yếu là đồi núi. Từ tây sang đông, có 3 dạng địa hình khá phổ biến: đồi núi, đồng bằng, biển, thêm lục địa và các đảo, tạo thuận lợi để Bắc Trung Bộ hình thành cơ cấu kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp và thủy sản.

+ Trong vùng có một số đồng bằng đất phù sa phù hợp cho sản xuất lương thực; khu vực đồi núi có đất feralit phù hợp cho phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và trồng rừng.

- Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá giữa các khu vực phía đông và khu vực phía tây cho phép Bắc Trung Bộ phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu sản phẩm đa dạng.

- Nguồn nước:

+ Mạng lưới sông ngòi khá dày, nhiều sông có giá trị về thủy lợi, du lịch và giao thông vận tải.

+ Vùng còn có một số hồ, đầm phá lớn thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ.

- Rừng:

+ Diện tích rừng tự nhiên chiếm 70% tổng diện tích rừng, tỉ lệ che phủ rừng cao hơn mức trung bình của cả nước. Đặc biệt, rừng có nhiều loại gỗ, lâm sản, các loài động vật quý nằm trong Sách đỏ Việt Nam.

+ Ở đây có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia thuận lợi để phát triển ngành lâm nghiệp và bảo vệ môi trường.

- Biển, đảo: đường bờ biển dài, vùng biển rộng, giàu tiềm năng về sinh vật, thuận lợi cho phát triển hoạt động khai thác và nuôi trồng hải sản.

b/ Điều kiện kinh tế - xã hội

- Lực lượng lao động: dồi dào, người lao động chăm chỉ, giàu nghị lực và kinh nghiệm sản xuất.

- Cơ sở hạ tầng: ngày càng hoàn thiện, hạ tầng giao thông của vùng có đầy đủ các loại hình, tạo điều kiện phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hàng hoá.

- Tiến bộ khoa học - công nghệ, vốn: Tiến bộ KH – CN được áp dụng, tăng cường đầu tư vốn để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Hạn chế

- Tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai: xảy ra thường xuyên gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật: còn hạn chế, đặc biệt ở phía tây.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật làm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ HS hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, HS về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.3: Tìm hiểu một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

a) Mục tiêu:

- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ.

- Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về tình hình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và

thuỷ sản của Bắc Trung Bộ.

b) **Nội dung:** HS đọc mục III. sách giáo khoa, hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

III. Một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản

1. Nông nghiệp

* Tình hình chung:

* Tình hình cụ thể:

a/ Trồng trọt

- Cây lương thực (chủ yếu là lúa):

+ Hiện trạng phát triển:

+ Phân bố:

- Cây công nghiệp hàng năm:

+ Hiện trạng phát triển:

+ Phân bố:

- Cây công nghiệp lâu năm:

+ Hiện trạng phát triển:

+ Phân bố:

- Cây ăn quả:

b/ Chăn nuôi

- Hiện trạng phát triển:

- Phân bố:

2. Lâm nghiệp

* Tình hình chung:

* Tình hình cụ thể:

a/ Khai thác, chế biến lâm sản

- Hiện trạng phát triển:

- Phân bố:

b/ Trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng

- Hiện trạng phát triển:

- Phân bố:

3. Thuỷ sản

* Tình hình chung:

* Tình hình cụ thể:

- Về khai thác:

- Về nuôi trồng:

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

PHIẾU HỌC TẬP

III. Một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

1. Nông nghiệp

* Tình hình chung:

- Nông nghiệp là ngành đóng góp phần lớn giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tốc độ tăng trưởng khá nhanh.
- Sản xuất nông nghiệp thay đổi theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, cùng với công nghệ gen, lai tạo giống mới,... ngày càng phổ biến trong trồng trọt, chăn nuôi.

* Tình hình cụ thể:

a/ Trồng trọt

- Cây lương thực (chủ yếu là lúa):

- + Hiện trạng phát triển: Diện tích lúa những năm gần đây giảm nhưng sản lượng tăng.
- + Phân bố: tập trung ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ. Hai tỉnh có diện tích gieo trồng và sản lượng lúa lớn nhất là Thanh Hoá và Nghệ An.

- Cây công nghiệp hàng năm:

- + Hiện trạng phát triển: lạc, mía,.. được trồng với diện tích khá lớn.
- + Phân bố: ở các vùng đất cát ven biển của hầu hết các tỉnh; mía ở vùng gò đồi phía tây, nhất là ở tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An,...

- Cây công nghiệp lâu năm:

- + Hiện trạng phát triển: được phát triển.
- + Phân bố: ở một số nơi như cà phê (Nghệ An, Quảng Trị), chè (Nghệ An), cao su và hồ tiêu (Quảng Bình, Quảng Trị).
- Cây ăn quả: Bắc Trung Bộ cũng phát triển một số cây ăn quả đặc sản.

b/ Chăn nuôi

- Hiện trạng phát triển:

- + Nhiều mô hình chăn nuôi áp dụng công nghệ cao đã hình thành và đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- + Năm 2021, Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò đứng thứ hai cả nước, số lượng lợn và gia cầm tăng nhanh.
- Phân bố:
 - + Chăn nuôi trâu, bò phát triển mạnh ở Nghệ An, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, bò sữa phát triển mạnh nhất ở Nghệ An.
 - + Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh.

2. Lâm nghiệp

* Tình hình chung:

- Ngành lâm nghiệp chiếm 6,8% cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Trung Bộ (năm 2021).
- Bắc Trung Bộ đã ứng dụng khoa học - công nghệ vào tất cả các hoạt động của ngành lâm nghiệp. Đặc biệt, ở đây đã thành lập khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các chức năng sản xuất giống cây lâm nghiệp, chế biến gỗ và lâm sản theo mô hình chuỗi sản xuất khép kín.
- Bắc Trung Bộ đang đẩy mạnh cả hai hoạt động khai thác, chế biến lâm sản và trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng.

* Tình hình cụ thể:

a/ Khai thác, chế biến lâm sản

- Hiện trạng phát triển: Sản lượng gỗ khai thác liên tục tăng, năm 2021 đạt hơn 4,7 triệu m³. Bắc Trung Bộ còn có các hoạt động khai thác lâm sản khác như luồng, mây, dược liệu,...
- Phân bố: Nghệ An là tỉnh có sản lượng gỗ khai thác lớn nhất Bắc Trung Bộ.

b/ Trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng

- Hiện trạng phát triển: Diện tích rừng chiếm 21,2% diện tích rừng toàn quốc (năm 2021). Diện tích rừng trồng tăng nhanh với các loại cây trồng chính là bạch đàn, keo tai tượng, keo lá tràm,... Bắc Trung Bộ có một số vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển để vừa bảo vệ rừng vừa phát triển du lịch.
- Phân bố: Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Bình là tỉnh có diện tích rừng trồng nhiều nhất.

3. Thủy sản

* Tình hình chung:

- Thủy sản là ngành được chú trọng. Giá trị sản xuất của ngành đóng góp hơn 18% vào giá trị sản

xuất toàn ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (năm 2021).

- Sản lượng thủy sản liên tục tăng qua các năm. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác chiếm phần lớn tổng sản lượng thủy sản (73,6% năm 2021).

* Tình hình cụ thể:

- Về khai thác:

+ Bắc Trung Bộ đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

+ Ứng dụng công nghệ khai thác tiên tiến để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học,...

- Về nuôi trồng:

+ Đối tượng nuôi trồng thủy sản ngày càng đa dạng với nhiều loại có giá trị kinh tế cao.

+ Nuôi trồng thủy sản đang thay đổi mô hình sản xuất sang quy mô lớn hơn theo hướng sản xuất hàng hoá, áp dụng khoa học - công nghệ vào tất cả các khâu.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- Bước 1: GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ HS hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, HS về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

- Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

- Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học về lãnh thổ Bắc Trung Bộ.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu HS chọn 1 phương án đúng.

Câu 1. Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thể mạnh về

A. chăn nuôi gia súc lớn.

B. cây công nghiệp hàng năm.

C. chăn nuôi lợn và gia cầm.

D. cây lương thực và chăn nuôi lợn.

Câu 2. Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

A. bão, lũ, ngập lụt, hạn hán.

B. gió Tây khô nóng, cát chảy.

C. xâm nhập mặn, ngập úng.

D. cát bay, sạt lở bờ biển.

Câu 3. Điều kiện kinh tế - xã hội nào sau đây tạo thuận lợi để Bắc Trung Bộ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng hàng hóa?

A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa.

B. Vùng đồi trước núi, đất feralit khá màu mỡ.

C. Diện tích rừng lớn, có nhiều loại gỗ quý.

D. Cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng (nghìn ha)	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1
Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha)	2127,3	2236,0	2205,5	2201,5
Sản lượng gỗ khai thác (nghìn m ³)	1195,9	2691,0	4507,8	4747,1

a) Sản lượng gỗ khai thác tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2021.

b) Tổng diện tích rừng tăng nhanh hơn diện tích rừng tự nhiên.

c) Rừng trồng luôn chiếm tỉ trọng cao hơn rừng tự nhiên trong cơ cấu diện tích rừng.

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2021.

3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 2. Vùng Bắc Trung Bộ năm 2010 có sản lượng thủy sản khai thác là 240,9 nghìn tấn; năm 2021 là 512,2 nghìn tấn. Hãy cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác năm 2021 so với năm

2010 là bao nhiêu %? (lấy năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

1. **Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Đáp án: 1A, 2A, 3D

2. **Câu trắc nghiệm đúng sai**

Câu 1. Đáp án: a,b đúng; c,d sai.

3. **Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.**

Câu 1. Đáp án: (512,2 : 240,9) x 100 ≈ 213

d) **Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

- Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.
- Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

4. **Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

a) **Mục tiêu:** Khai thác được thông tin từ các nguồn thông tin khác nhau về hoạt động của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ.

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS: Suu tầm hình ảnh và giới thiệu về một hoạt động của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Hình ảnh và giới thiệu về hoạt động đánh bắt thủy sản tại Nghệ An



Nghệ An có đội tàu khai thác gần 3.400 chiếc, trong đó tàu cá từ 6m trở lên là 2.458 chiếc. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 278.000 tấn, trong đó khai thác chiếm trên 207.000 tấn, tăng 107,9% so với kế hoạch năm. Những hoạt động trên cho thấy sự phát triển đồng bộ và bền vững của

các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại Nghệ An, góp phần nâng cao đời sống người dân và thúc đẩy kinh tế địa phương.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
- Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 25: Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ.